

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 109/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06/12/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Vượng.

2. Ông Ma Quốc Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 06/12/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tống Thị M** – Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Vũ Văn T** – Sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Hạc Thị Tuất có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nhưng không nhớ chính xác thời gian đăng ký (chỉ nhớ năm 1993) và hiện tại, bà cũng không có giấy tờ, tài liệu gì liên quan đến việc vợ chồng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống với nhau tại thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống và kinh tế gia đình. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Bà M xét thấy không còn tình cảm với ông T, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng, để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà M và ông T có 02 con chung:

- Anh Vũ Văn N – Sinh ngày: 08/11/1995.

- Anh Vũ Văn Q – Sinh ngày: 25/01/1997.

Anh N và anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường. Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản ghi lời khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn ông Vũ Văn T có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Ông và bà M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nhưng không nhớ chính xác thời gian đăng ký (chỉ nhớ năm 1993) và hiện tại, ông cũng không có giấy tờ, tài liệu gì liên quan đến việc vợ chồng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, ông và bà M chung sống với nhau tại thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều điều bất đồng trong cuộc sống và kinh tế gia đình. Ông và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay. Ông T xét thấy không còn tình cảm với bà M, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà M. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà M là vợ chồng, để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà M có 02 con chung:

- Anh Vũ Văn N – Sinh ngày: 08/11/1995.

- Anh Vũ Văn Q – Sinh ngày: 25/01/1997.

Anh N và anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không xác định được việc có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật hay không và có đề nghị Tòa án không công nhận các đương sự là vợ chồng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của bà Tổng Thị M đối với ông Vũ Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận bà Tổng Thị M và ông Vũ Văn T là vợ chồng.

3. Về con chung: Anh Vũ Văn N – Sinh ngày: 08/11/1995 và anh Vũ Văn Q – Sinh ngày: 25/01/1997 đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường. Bà Tổng Thị M và ông Vũ Văn T không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Bà Tổng Thị M và ông Vũ Văn T không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà Tổng Thị M và ông Vũ Văn T chung sống với nhau từ năm 1993 và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục truyền thống; các đương sự trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nhưng không có giấy tờ, tài liệu nào chứng minh cho việc vợ chồng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, bà M và ông T có con chung với nhau. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tổng Thị M và ông Vũ Văn T xác lập quan hệ hôn nhân và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà M và ông T đều trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định nhưng không có giấy tờ, tài liệu nào chứng minh cho việc vợ chồng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, xác định được từ thời điểm năm 1993 cho đến nay, bà M và ông T không đăng ký kết hôn theo quy định của

Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà M và ông T là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Sau khi về chung sống với nhau, bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bà M và ông T có nhiều quan điểm bất đồng trong công việc và làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Bà M và ông T đều xác định không còn tình cảm với nhau.

Tòa án nhận thấy, về tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T cuộc sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, hai ông bà đã sống ly thân với nhau đã lâu nhưng bà M và ông T cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông T là phù hợp. Do hôn nhân của bà M và ông T không được pháp luật công nhận nên cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T có 02 con chung:

- Anh Vũ Văn N – Sinh ngày: 08/11/1995.

- Anh Vũ Văn Q – Sinh ngày: 25/01/1997.

Anh N và anh Q đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường. Bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Tống Thị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T .

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T .

3. Về án phí: Bà Tống Thị M phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2019/0002981 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Bà Tống Thị M đã nộp đủ tiền án phí*).

4. Quyền kháng cáo: Bà Tống Thị M và ông Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Cường